TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST Ngày: 08 - 5 -2018 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngân.

Bà Đinh Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Việt Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hinh – Kiểm sát viên, vắng mặt.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 4 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị K, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu 1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày: Chị và anh Vũ Văn T được tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Sau khi cưới được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong đời sống anh T lười lao động, ham chơi, không tu chí làm ăn, đồng thời anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên năm 2015, chị đã làm đơn gửi ra Tòa án nhân dân huyện Tràng Định để yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng quá trình hòa giải, anh T hứa sẽ thay đổi nên chị mới đồng ý rút đơn về. Tuy nhiên, sau đó anh T vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng. Chị và anh T cũng đã ly thân nhau được hơn một năm nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Bảo P, sinh ngày 16/9/2013, hiện nay cháu vẫn đang ở chị K bên nhà ngoại. Khi ly hôn chị K yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vũ Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và về con chung đúng như chị Trần Thị K trình bày. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh và chị K chung sống hòa thuận. Hai vợ chồng tuy cũng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng không đến mức trầm trọng, chỉ dừng lại ở mức cãi nhau bình thường. Tuy hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 đến nay nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Do đó, anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ gia đình. Trong trường hợp buộc phải ly hôn, anh T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bài phát biểu của Kiểm sát viên gửi cho Tòa án có ý kiến:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án; các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoặc kiến nghị nào khác đối với quá trình tiến hành tố tụng của vụ án.

Về ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị Trần Thị K, cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Vũ Văn T.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị Trần Thị K là người được quyền trực tiếp nuôi con chung, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị K không yêu cầu, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tải sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị K là người khởi kiện xin ly hôn, do vậy phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị Trần Thị K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Văn T và giải quyết về việc nuôi con chung giữa hai anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn ngày 31/12/2013. Do đó, theo quy định tại các Điều 9, 10 Luật Hôn nhân và gia đình, chị K và anh T là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bên đương sự đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhất định. Năm 2015 chị K đã làm đơn yêu cầu ly hôn gửi ra Tòa án nhân dân huyện Tràng Định để yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng quá trình hòa giải, anh T hứa sẽ thay đổi nên chị K đã rút đơn về. Sau khi về đoàn tụ gia đình, anh T vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân theo chị K trình bày là do anh T ham chơi, lười lao động, không chịu tu chí làm ăn nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Quá trình xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú cũng xác định được việc hai vợ chồng anh chị thường xuyên có mâu thuẫn và xảy ra cãi vã, chị K thường xuyên phải mang theo con gái bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã H để sinh sống. Thực tế hai vợ chồng chị K và anh T cũng đã sống ly thân với nhau được hơn một năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thành, anh T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có động thái gì thể hiện thiện chí để mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, tình trạng hôn nhân của chị K và anh T đã

trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tình trạng hôn nhân trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị K, cho chị Trần Thị K ly hôn với anh Vũ Văn T.

[3] Về con chung, hai vợ chồng chị Trần Thị K và anh Vũ Văn T có 01 con chung là cháu Vũ Bảo P, sinh ngày 16/9/2013, hiện nay cháu P đang sinh sống cùng chị K ở bên nhà ngoại. Khi ly hôn, cả chị K và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trách nhiệm của bậc làm cha mẹ đối với con cái. Hơn nữa, cháu Vũ Bảo P còn đang học tại Trường mầm non nên rất cần thời gian quan tâm, chăm sóc, giáo dục và đảm bảo các điều kiện về vật chất từ cả bố và mẹ để cháu có đầy đủ điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, chị K đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh được mức thu nhập của bản thân đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được tốt nhất. Về phía anh T, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập của bản thân để làm căn cứ đòi quyền nuôi con chung nhưng anh T đều không hợp tác, không có mặt để cung cấp lời khai theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo nội dung yêu cầu để chứng minh thu nhập của bản thân. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng thu nhập của bản thân anh T tại địa phương nơi anh T cư trú và xác định được, hiện nay anh T ở nhà lao động tự do, không có nghề nghiệp gì ổn định, do đó, không có thu nhập cố định hàng tháng để đảm bảo cho việc nuôi con chung được tốt nhất. Hơn nữa, từ khi hai vợ chồng chị K, anh T ly thân đến nay, cháu P vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị K ở nhà ông bà ngoại và được chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu thì cần giao cháu P cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do chị K không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị K là người khởi kiện xin ly hôn, do vậy phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Vũ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Vũ Bảo P, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013 cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Vũ Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị K đã nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0000268 ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt hai bên đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CCTHADS huyện Tràng Định;
- Đương sự;
- UBND thị trấn K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Bàn Văn Tiển